

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Đường Khuổi Lào - Yên Lỗ, huyện Bình Gia (đoạn Km0 - Km5+500), thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án LRAMP)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số 477/BC-STC ngày 06/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Đường Khuổi Lào - Yên Lỗ, huyện Bình Gia (đoạn Km0 - Km5+500), thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án LRAMP).

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông.

3. Địa điểm xây dựng: huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

4. Thời gian khởi công: tháng 11/2022; thời gian hoàn thành: tháng 7/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		14.000.000.000	13.405.011.000
1	Bồi thường, hỗ trợ và TĐC	320.485.000	93.329.000
2	Xây dựng	11.743.590.000	11.659.132.000
3	Quản lý dự án	311.594.000	311.594.000
4	Tư vấn ĐTXD	1.077.560.000	1.076.136.000
5	Chi phí khác	350.311.000	264.820.000
6	Chi phí dự phòng	196.460.000	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
Tổng số		14.000.000.000	13.405.011.000	11.729.036.000	1.676.080.000	105.000
1	Vốn đầu tư công:	14.000.000.000	13.405.011.000	11.729.036.000	1.676.080.000	105.000
1.1	Vốn vay ODA (WB):	14.000.000.000	11.596.154.000	10.112.562.000	1.483.592.000	0
-	Vốn vay ODA (WB) NSTW cấp phát		10.436.539.000	9.101.306.000	1.335.233.000	0
-	Vốn vay ODA (WB) NST vay lại		1.159.615.000	1.011.256.000	148.359.000	0
1.2	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh:		1.808.857.000	1.616.474.000	192.488.000	105.000
2	Vốn khác:	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
Tổng số:			13.405.011.000	
1. Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)			13.405.011.000	
2. Tài sản ngắn hạn			0	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tổn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là

Số TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số		13.405.011.000	
1	Nguồn vốn đầu tư công:	13.405.011.000	
1.1	Vốn vay ODA (WB):	11.596.154.000	
-	<i>Vốn vay ODA (WB) NSTW cấp phát</i>	<i>10.436.539.000</i>	
-	<i>Vốn vay ODA (WB) NST vay lại</i>	<i>1.159.615.000</i>	
1.2	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh:	1.808.857.000	
2	Nguồn vốn khác:	0	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: 105.000 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 1.676.080.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

1.3. Thực hiện bàn giao tài sản, hồ sơ công trình cho UBND huyện Bình Gia theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

2.1. Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	UBND huyện Bình Gia	13.405.011.000	0

2.2. Thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, lưu trữ hồ sơ, quản lý, khai thác và bảo trì tài sản được giao theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Bình Gia, Giám đốc Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC SỐ 01**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN***(Kèm theo Quyết định số 1666 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)**Đơn vị: đồng*

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
	Tổng số		13.405.011.000	11.729.036.000	1.676.080.000	105.000	
1	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bình Gia	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	93.329.000	93.329.000	-	-	
2	Công ty cổ phần xây dựng Trường An Lạng Sơn	Chi phí xây dựng	11.659.132.000	10.160.467.000	1.498.665.000	-	
3	Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông	Chi phí quản lý dự án	311.594.000	311.594.000	-	-	
		Chi phí lựa chọn nhà thầu	39.086.000	-	39.086.000	-	
		Chi phí giám sát khảo sát	13.961.000	-	13.961.000	-	
4	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Lạng Sơn	Chi phí khảo sát xây dựng công trình + cắm cọc giải phóng mặt bằng	368.859.000	646.017.000	16.707.000	105.000	
		Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	293.760.000				
5	Công ty cổ phần Sơn Hải	Chi phí giám sát thi công xây dựng	360.470.000	306.839.000	53.631.000	-	
6	Lữ đoàn 575	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	78.394.000	78.394.000	-	-	
7	Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn	Phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	2.660.000	-	2.660.000	-	
8	Chi nhánh đo đạc bản đồ - Công ty TNHH MTV Bắc Lạng	Chi phí trích đo giải thửa phục vụ giải phóng mặt bằng	132.396.000	132.396.000	-	-	
9	Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	51.370.000	-	51.370.000	-	